

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 59/TTr-SCT ngày 22 tháng 12 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:**

1. Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Những nội dung khác về tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu không được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan khác.”

2. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“2. *Bộ sản phẩm* là tập hợp các sản phẩm do cùng một cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất, được sử dụng kết hợp với nhau làm tăng thêm hiệu quả sử dụng và tính thẩm mỹ, thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Các sản phẩm có cùng tính năng, công dụng, được sản xuất từ một loại nguyên liệu, vật liệu nhưng khác nhau về kiểu dáng, mẫu mã;

b) Các sản phẩm có cùng kiểu dáng, mẫu mã và tính năng, công dụng được sản xuất từ các nguyên liệu, vật liệu khác nhau.”

3. Bổ sung khoản 3, khoản 4 và khoản 5 vào Điều 3 như sau:

“3. *Bản sao hợp lệ* là bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (không có chứng thực) xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu.

4. *Hồ sơ điện tử* là tập hợp các tài liệu điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, được tạo trực tuyến hoặc được quét (scan) theo định dạng dữ liệu máy tính và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản thông qua phần mềm cơ sở dữ liệu.

5. *Lập hồ sơ điện tử* là việc áp dụng công nghệ thông tin nhằm liên kết các tài liệu điện tử hình thành trong quá trình tổng hợp, xét duyệt hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn.”

4. Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký bình chọn cấp huyện: Cơ sở công nghiệp nông thôn gửi 02 (hai) bộ hồ sơ (kèm theo bản hồ sơ điện tử) tới Hội đồng bình chọn (thông qua Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng) khi thực hiện đăng ký tham gia bình chọn. Hồ sơ được sử dụng liên thông cho các cấp bình chọn, gồm:

a) Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BCT) kèm theo bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.



b) Bản thuyết minh, mô tả giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn (theo mẫu Phụ lục số 2 của Thông tư số 14/2018/TT-BCT) kèm theo tối thiểu 03 (ba) ảnh màu, cỡ 10cm x 15cm của sản phẩm được chụp tại các góc độ khác nhau (tối thiểu tại các góc: Chính diện, các mặt bên, từ trên xuống).

c) Bản sao hợp lệ các tài liệu khác còn giá trị pháp lý liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Giấy khen, Bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác.”

5. Bổ sung điểm c vào khoản 2 Điều 8 như sau:

“c) Thời hạn bảo quản hồ sơ bình chọn các cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.”

6. Khoản 2 Điều 10 được sửa đổi như sau:

“2. Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được thống nhất sử dụng từ cấp huyện đến cấp quốc gia theo quy định tại Phụ lục số 6 của Thông tư số 26/2014/TT-BCT và có giá trị từ ngày được cấp đến hết ngày 31 tháng 12 của năm thứ tư (năm thứ nhất là năm cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được cấp giấy chứng nhận).”

7. Khoản 1, khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Được tặng thưởng từ nguồn kinh phí khuyến công theo quy định, bao gồm: Giấy chứng nhận, Kỷ niệm chương và tiền thưởng. Được phép in hoặc dán nhãn Logo của Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên sản phẩm hoặc bao bì của sản phẩm được công nhận.

2. Được cung cấp thông tin, tư vấn hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước; tư vấn lập dự án đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Được ưu tiên xét hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương để: Nâng cao năng lực quản lý; xây dựng chiến lược kinh doanh, marketing; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm; tham gia các hội chợ, triển lãm, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm; xây dựng, đăng ký nhãn hiệu; xây dựng trang thông tin điện tử (website) của cơ sở và các nội dung ưu tiên, hỗ trợ khác để phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP”.

8. Điều 14 được sửa đổi như sau:

#### **“Điều 14. Kinh phí tổ chức bình chọn**

Kinh phí tổ chức thực hiện bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động khuyến công địa phương theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.”

9. Khoản 3 Điều 15 được sửa đổi như sau:

“3. Định kỳ hằng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; kết quả hỗ trợ từ khuyến công, các chính sách của nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Công Thương địa phương và Bộ Công Thương.”

### **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện**

Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan ở tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này. Định kỳ hằng năm, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Công Thương địa phương và Bộ Công Thương.

### **Điều 3. Trách nhiệm, hiệu lực thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 02 năm 2021. / *hu*

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục CTĐP - Bộ Công Thương;
- Vụ pháp chế - Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Sở: TC; NN&PTNT; NV; TN&MT; VH, TT&DL; LĐ -TB&XH; KH&CN; TP;
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Các Phòng, TT: KT, TH, TTCB;
- Lưu: VT, CN (HVC **50b**)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Ngọc Nghị**